

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 1029/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Việt Trì, ngày 09 tháng 5 năm 2007*

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **V/v duyệt đối tượng, mức trợ giá, trợ cước giống thủy sản năm 2005**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2004/TT-BTC ngày 30/1/2004 của Bộ Tài chính;*

*Xét đề nghị tại Tờ trình số 452/TT-VG ngày 24/4/2007 của Sở Tài chính.*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt mức trợ giá, trợ cước giống thủy sản năm 2007 như sau:

1. Đối tượng, địa bàn được hưởng:

Đồng bào sinh sống tại khu vực 3 miền núi và đồng bào dân tộc.

2. Chủng loại giống thủy sản được hưởng chính sách trợ cước vận chuyển:

Cá rô phi đơn tính, cá chép lai V1 và tôm càng xanh.

3. Tiêu chuẩn, quy cách và chất lượng giống thủy sản: Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Giá bán, mức trợ giá, trợ cước giống thủy sản:

*Đơn vị tính: Đồng/con*

STT	Chủng loại	Giá bán chưa có trợ giá, trợ cước	Mức trợ cước vận chuyển	Giá bán có trợ cước
1	Tôm càng xanh	350	19,5	330,5
2	Cá rô phi đơn tính	500	47,5	452,5
3	Cá chép V1	350	44,5	305,5

**Điều 2.** Căn cứ đối tượng, địa bàn được hưởng chính sách trợ giá, trợ cước giống thủy sản và kế hoạch kinh phí trợ giá, trợ cước năm 2007 đã được giao. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Trung tâm Giống thủy sản thông báo giá bán có trợ giá, trợ cước cho các đối tượng sử dụng trên địa bàn toàn tỉnh.

---

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh, Trung tâm Giống thủy sản và đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Kim Hải (đã ký)**

**Quyết định****V/v duyệt mức trợ cước vận chuyển tiêu thụ sản phẩm sản củ tươi năm 2007****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ***Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;**Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ;**Căn cứ Thông tư số 05/2004/TT-BTC ngày 30/1/2004 của Bộ Tài chính;**Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 423/TT-VG ngày 25/4/2007,***Quyết định:**

**Điều 1.** Duyệt mức trợ cước vận chuyển tiêu thụ sản phẩm sản củ tươi năm 2007 như sau:

1. Địa bàn thu mua: Ưu tiên mua sản phẩm hàng hóa sản xuất ở khu vực II (bao gồm các xã, bản khu vực III và các xã khu vực II liền kề khu vực III).

2. Mức trợ cước vận chuyển:

- Từ trung tâm cụm xã miền núi huyện Yên Lập vận chuyển về Hà Nội: 281.000đ/tấn;

- Từ trung tâm cụm xã miền núi huyện Yên Lập vận chuyển về thị xã Phú Thọ: 178.000đ/tấn.

- Từ trung tâm cụm xã miền núi huyện Thanh Sơn, Tân Sơn vận chuyển về Hà Nội: 270.500đ/tấn.

Mức trợ cước nêu trên là mức tối đa áp dụng cho năm 2007.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ban Dân tộc Tôn giáo, UBND huyện Yên Lập, UBND huyện Thanh Sơn, UBND huyện Tân Sơn, các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**KT. chủ tịch****Phó chủ tịch****Nguyễn Thị Kim Hải**

**Quyết định**

**V/v duyệt mức trợ giá, trợ cước vận chuyển và giá bán các mặt hàng trợ giá, trợ cước năm 2007**

**Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ;*

*Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 457/TT-VG ngày 24/4/2007,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Duyệt mức trợ giá, trợ cước vận chuyển và giá bán các mặt hàng trợ giá, trợ cước tại địa bàn các huyện, thị năm 2007 như sau:

1. Mức trợ giá, trợ cước (theo phụ biểu đính kèm).

2. Giá bán lẻ hàng hóa có trợ giá, trợ cước:

- Giá bán lẻ muối I ột loại 1kg/túi: 900 đồng/kg.

- Giá bán lẻ phân NPK và supe lân Lâm Thao: Theo mức giá do Công ty Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao quyết định và công bố.

- Giá bán lẻ phân đạm và kali nhập khẩu:

Giá bán lẻ phân đạm và kali nhập khẩu = giá nhập khẩu phân bón + (cộng) tối đa 100 đồng/kg (không bao gồm kinh phí trợ cước vận chuyển)

- Giá bán lẻ dầu hỏa: Theo quy định về giá bán dầu hiện hành.

Mức trợ giá, trợ cước và giá bán các mặt hàng nêu trên là mức tối đa áp dụng cho năm 2007.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ban Dân tộc tôn giáo, UBND các huyện, thị, các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**KT. chủ tịch**

**Phó chủ tịch**

**Nguyễn Thị Kim Hải**

**Quyết định****Về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đoàn Hùng, huyện Đoàn Hùng đến năm 2020****Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Luật xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 15/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;*

*Xét đề nghị Tờ trình số 07/TT-UB ngày 05 tháng 07 năm 2007 của UBND huyện Đoàn Hùng và Tờ trình số 174/SXD-KTQH ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Sở Xây dựng,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đoàn Hùng, huyện Đoàn Hùng đến năm 2020 do Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Phú Thọ lập, được UBND huyện Đoàn Hùng và Sở Xây dựng thống nhất trình duyệt với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đoàn Hùng, huyện Đoàn Hùng đến năm 2020.

**2. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch.**

Vị trí thị trấn Đoàn Hùng, huyện Đoàn Hùng như sau:

- Phía Bắc giáp xã Vân Du và Phong Phú.
- Phía Nam giáp Sóc Đăng.
- Phía Tây giáp xã Ngọc Quan.
- Phía Đông giáp xã Hữu Đô, Đại Nghĩa và Chí Đám.

Phạm vi nghiên cứu có diện tích 989,96ha

**3. Tính chất.**

- Là trung tâm hành chính, chính trị - kinh tế - VHXXH - thương mại - dịch vụ du lịch của huyện Đoàn Hùng.

- Là đầu mối giao thông và giao lưu kinh tế khu vực.

- Là khu vực kinh tế phát triển tạo động lực phát triển cho vùng Tây Bắc của tỉnh.

**4. Quy mô dân số, quy mô đất đai**

Quy mô dân số:

- Hiện trạng dân số khoảng 8.955 người

- Dự kiến đến năm 2010 dân số khoảng 12.000 người và đến năm 2020 dân số khoảng 23.300 người.

Quy mô đất đai:

Quy mô diện tích nghiên cứu quy hoạch là 989,96ha. Trong đó:

- Diện tích đất tự nhiên của thị trấn (hiện nay) là 513,2ha.
- Diện tích đất dự kiến mở rộng thị trấn sang xã Phong Phú là 118,42ha
- Diện tích đất dự kiến rộng thị trấn sang xã Ngọc Quan là 166,13ha.
- Diện tích đất dự kiến rộng thị trấn sang xã Sóc Đăng là 192,21ha.

### **5. Nội dung quy hoạch đến năm 2020.**

#### 5.1. Quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển không gian.

Quy hoạch sử dụng đất:

Định hướng phát triển không gian:

Khu trung tâm hành chính, chính trị: Khu làm việc Huyện ủy, UBND và Hội đồng nhân dân giữ nguyên vị trí cũ. Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, kết hợp với các công trình đã có tạo thành 1 hệ thống hoàn chỉnh.

Khu trung tâm thương mại dịch vụ:

- Hai khu vực chính là khu vực ngã 3 phía Nam thị trấn và khu vực ngã ba 2 bên đường chính đô thị xây dựng các công trình thương mại dịch vụ lớn tạo không gian đẹp và điểm nhấn cho thị trấn như trung tâm dịch vụ, thương mại, tài chính.

- Khu trung tâm dịch vụ du lịch (khu vực xung quanh cùng với quần thể tượng đài chiến thắng sông Lô): Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các công trình dịch vụ kết hợp với thương mại. Tượng đài chiến thắng sông Lô cần chỉnh trang cải tạo đẹp và hiện đại, làm điểm nhấn phía Bắc thị trấn.

Khu trung tâm văn hóa thể thao: Bố trí tại khu vực đầu đường đôi, phía Đông Nam thị trấn. Các công trình này có chức năng đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa thể thao của nhân dân toàn huyện.

Các khu vực cây xanh mặt nước: Kết hợp cây xanh và các công trình dịch vụ nhỏ tạo cảnh quan đẹp, phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của nhân dân.

Các công trình giáo dục:

- Các trường hiện có được cải tạo chỉnh trang.
- Các trường mới quy hoạch và xây dựng mới, đồng bộ.

Nhà ở: Nhà ở liên kế dọc phố và ven các tuyến đường, thiết kế và xây dựng đẹp, góp phần tạo kiến trúc cảnh quan cho thị trấn. Khu vực nhà vườn, nhà biệt thự xây dựng theo hướng tôn trọng địa hình.

Khu tiểu thủ công nghiệp: Được quy hoạch thành các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tập trung.

#### 5.2. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

##### 5.2.1. Quy hoạch giao thông

Giao thông đối ngoại:

- Xây dựng mới đường vành đai ở phía Tây, sát ranh giới thị trấn, có mặt cắt đường rộng 28,0m, mặt đường rộng 18m, hè phố mỗi bên 5,0m.
- QL2 và QL70, có mặt cắt đường rộng 23,5m, mặt đường 13,5m, hè phố mỗi bên 0,5m.

Đường đê sông Lô: Mặt cắt đường rộng 11,5m, mặt đường 7,5m, hè phố mỗi bên 2,0m.

Giao thông nội thị:

- Đoạn đường chính trung tâm (đường đôi) nối khu trung tâm thương mại dịch vụ với khu cây xanh sinh thái hồ vạ. Mặt cắt đường rộng 35,0m, mặt đường mỗi bên 10,5m, dải phân cách 2,0m, hè phố mỗi bên 6,0m.

- Đoạn đường chính trung tâm theo hướng Đông Bắc - Tây Nam nối đường vành đai và đường chính thị trấn. Mặt cắt đường 33,0, mặt đường mỗi bên 10,3m, dải phân cách cứng kẻ vạch ở giữa rộng 0,4m, hè phố mỗi bên 6,0m.

- Các tuyến đường có mặt cắt rộng 19,5m, mặt đường 10,5m, hè phố mỗi bên 4,5m.

- Các tuyến đường có mặt cắt rộng 16,5m, mặt đường 10,5m, hè phố mỗi bên 3,0m.

- Các tuyến đường có mặt cắt rộng 13,0m, mặt đường 7,0m, hè phố mỗi bên 3,0m.

- Các đường nhánh trong khu dân cư, nhóm nhà có mặt cắt 3,0m và 6,0m, không có hè.

5.2.2. Quy hoạch chiều cao.

- Cột không chế xây dựng thấp nhất là: 21,0m

- Khu vực hiện trạng chọn giải pháp san đắp nền cục bộ, điều chỉnh cao độ, hướng dốc theo định hướng chung.

- Độ dốc và hướng dốc đảm bảo thoát nước mặt tự chảy theo hướng từ các nhóm nhà ra hệ thống thoát nước bố trí ở các đường giao thông.

5.2.3. Quy hoạch thoát nước.

- Thoát nước chung, kết hợp hệ thống thoát nước mưa với hệ thống thoát nước sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt trước khi đổ ra hệ thống thoát nước chung cần phải được xử lý đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. Nước thải sản xuất phải xử lý tại các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Các hướng thoát nước theo cốt không chế đường giao thông. Vì vậy xây dựng các mương thoát nước. Toàn bộ hệ thống nước được đưa ra các kênh tập trung và ngòi Tế, thoát ra sông Lô.

- Tại các vị trí không xây dựng được kênh hở: Sử dụng cống ngầm dưới lòng đường nhưng chỉ ở các đường nhánh nhỏ.

5.2.4. Quy hoạch cấp nước.

Tiêu chuẩn dùng nước là 120 lít/ng/ngđ

Nguồn nước: Giai đoạn đầu được lấy từ Nhà máy nước hiện nay có công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

Giai đoạn sau nâng công suất Nhà máy cấp nước lên 4.000,0m<sup>3</sup>/ngđ.

Hệ thống mạng lưới:

- Thay thế đoạn ống nước thô từ trạm bơm 1 đến trạm xử lý từ F150 thành F 250.

- Thay thế đoạn ống vận chuyển từ trạm xử lý đến bể áp lực và mạng lưới từ F 150 thành F 250.

- Mạng lưới cũ giữ lại.
- Mở rộng mạng lưới phân phối theo quy hoạch.

#### 5.2.4. Quy hoạch cấp điện.

Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện từ trạm trung gian Tây Cốc.

Nhu cầu sử dụng điện:

- Điện sản xuất:  $P_d = 200 \text{ kw/ha}$
- Điện sinh hoạt:  $P_d = 2,5 \text{ kw/hộ}$
- Chiếu sáng công cộng:  $P_d = 8 \text{ kw/km}$

Trạm biến áp:

- Xây dựng mới 6 TBA cấp điện áp 22kv - dung lượng từ 100 đến 250KVA. Tổng dung lượng  $S = 1.280 \text{ KVA}$  (chưa tính đến dung lượng của 2 cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp).

+ TBA số 1-10(22)/0,4kv - 250KVA tại cuối đường đôi thôn Đoàn Kết.

+ TBA số 2-10(22)/0,4kv - 180KVA tại thôn Thọ Sơn trên đường QL70

+ TBA số 3-10(22)/0,4kv - 250KVA tại khu gò Danh xã Sóc Đăng.

+ TBA số 4-10(22)/0,4kv - 250KVA tại đồi Phong xã Phong Phú (cũ)

+ TBA số 5-10(22)/0,4kv - 250KVA tại thôn Hưng Tiến xã Thọ Sơn (cũ)

+ TBA đèn đường 10(22)/0,4kv - 100KVA lắp đặt tại cuối đường đôi thôn Đoàn Kết (gần TBA số 1).

- Hai cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được cấp điện từ đường dây 22kv từ điểm đầu tại QL70 đường vành đai qui hoạch đến TBA số 5.

Đường dây:

- Cải tạo chuyển 15km đường dây 10KV thành đường dây 22 KV.
- Xây dựng mới 12km đường dây 22 KV cấp điện cho các TBA.
- Xây dựng mới 8km đường dây 0,4 KV chiếu sáng công cộng.
- Cải tạo, xây dựng mới các tuyến 0,4 KV.

#### 5.2.4 Quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa, vệ sinh môi trường.

Nghĩa trang, nghĩa địa:

- Nghĩa trang liệt sỹ huyện nằm trong thị trấn, giữ nguyên cũ.

- Nghĩa địa: Toàn thị trấn quy hoạch 2 nghĩa địa, tại đồi ông Chuột (vị trí nghĩa địa cũ) và tại khu đồi thuộc khu vực đội 7 xã Phong Phú (cũ).

Vệ sinh môi trường:

- Chỉ tiêu tính toán rác thải sinh hoạt là  $0,9 \text{ kg/ng/ngđ}$

- Rác thải sau khi thu gom tại các điểm tập kết, được đưa về khu xử lý rác nằm ở phía Tây thị trấn.



## 6. Quy hoạch đợt đầu đến năm 2010.

### 6.1. Định hướng phát triển không gian.

Quy hoạch và xây dựng hoàn chỉnh khu trung tâm hành chính, chính trị của huyện, bao gồm khu Huyện ủy, UBND huyện và 1 số công trình khác trong khu hành chính, chính trị.

Quy hoạch hoàn chỉnh và từng bước xây dựng 1 số công trình khu văn hóa thể thao như sân vận động huyện, nhà văn hóa thiếu nhi huyện.

Quy hoạch và xây dựng khu cây xanh 2 bên ngòi Tể, khu công viên trung tâm tại ngã 3 bưu điện.

Xây dựng 1 số công trình thương mại, dịch vụ ven đường đôi trung tâm thị trấn và ngã 3 đầu đường đôi sát khu sinh thái hồ Vạ.

Hoàn chỉnh và xây dựng mới một số cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn thị trấn.

Cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, kho tàng bên bãi:

- Quy hoạch và xây dựng cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp nằm ở phía Tây, Tây Bắc thị trấn.

- Các Nhà máy cơ sở công nghiệp cũ như Nhà máy CK 19/5, Công ty gốm Phú Giang quy hoạch chỉnh trang.

- Quy hoạch mới 1 bến tàu phía Đông Bắc thị trấn, sát tượng đài chiến thắng sông Lô và 1 bến tàu bốc dỡ hàng hóa phía Đông Nam thị trấn.

- Các bãi gỗ, bãi sỏi ven sông quy hoạch chỉnh trang.

Quy hoạch khu ở:

- Các khu nhà ở cũ: Quy hoạch chỉnh trang trên cơ sở có các tuyến giao thông mới.

- Nhà ở quy hoạch mới: Quy hoạch nhà ở ven các tuyến mới mở ra và xen lẫn các khu ở trong thị trấn khi có đường giao thông mới.

- Quy hoạch khu tái định cư và khu nhà ở biệt thự tại ngã tư cây Gạo.

Các công trình khác:

- Công trình tượng đài, đền chùa giữ nguyên quy hoạch và xây dựng chỉnh trang.

- Các khu vực quân đội: Quy hoạch và xây dựng chỉnh trang.

- Nghĩa địa: Xây dựng mới nghĩa địa tại khu đội 7 xã Phong Phú cũ.

### 6.2. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

#### 6.2.1. Quy hoạch giao thông.

- Quy hoạch và xây dựng đường vành đai phía Tây thị trấn chạy lên đê sông Cháy, qua cầu mới, nối với 1 đoạn đường mới qua xã Vân Du và Chí Đám sau đó nối QL2 tại xã Chí Đám.

- Quy hoạch và xây dựng cải tạo QL2, QL70.

- Quy hoạch và xây dựng tuyến đường chính trung tâm hướng Tây Bắc - Đông Nam nối khu văn hóa thể thao phía Tây Nam và khu sinh thái hồ Vạ.

- Quy hoạch và xây dựng cải tạo đường đê sông Lô, sông Cháy.

- Quy hoạch và xây dựng tuyến giao thông nối ngã 3 ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em về phía Tây Nam đến trường tiểu học khu Đầu Lô.

- Ngoài các tuyến trên, đến 2010 còn quy hoạch và xây dựng chính trang 1 số tuyến giao thông hiện trạng trong thị trấn.

#### 6.2.2. Quy hoạch cấp nước:

- Quy hoạch xây dựng mới và cải tạo các tuyến cấp chính, phù hợp với các tuyến giao thông.

- Nhà máy nước cũ được cải tạo, nâng công suất đáp ứng với nhu cầu.

#### 6.2.3. Quy hoạch cấp điện:

- Xây dựng mới tuyến trung thế 22(35) KV từ Tây Cốc về thị trấn Đoàn Hùng với tổng chiều dài 6km.

- Cải tạo di chuyển 15km đường dây 10KV hiện có nâng cấp chuyển tải điện áp 22 (35)KV.

- Xây dựng mới 7km đường dây 22(35)KV cung cấp cho 4 trạm biến áp dự kiến xây dựng.

- Xây dựng mới 8km đường dây 0,4KV chiếu sáng công cộng.

- Xây dựng mới 4 trạm biến áp số 1, 2 và 2 TBA đèn đường.

- Cải tạo xây dựng mới các tuyến 0,4KV hiện có.

**Điều 2.** UBND huyện Đoàn Hùng có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đoàn Hùng, huyện Đoàn Hùng; tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng làm cơ sở quản lý xây dựng. Thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt và theo quy định hiện hành của pháp luật về xây dựng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Đoàn Hùng, Chủ tịch UBND thị trấn Đoàn Hùng, Chủ tịch UBND các xã: Phong Phú, Ngọc Quan, Sóc Đăng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ quyết định thi hành.

**TM. ủy ban nhân dân**

**KT. chủ tịch**

**phó chủ tịch**

**Đặng Đình Vượng**

**Quyết định****VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH VÀ GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO HUYỆN THANH SƠN VÀ HUYỆN TÂN SƠN****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật NSNN;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Thanh Sơn để thành lập huyện Thanh Sơn và huyện Tân Sơn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 84/2006/NQ-HĐND ngày 08/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ;*

*Căn cứ Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 08/12/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2007;*

*Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 460/TT-TC ngày 04/5/2007,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Điều chỉnh và giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2007 cho huyện Thanh Sơn và huyện Tân Sơn như phụ biểu đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán được giao trên đây, UBND huyện Thanh Sơn và UBND huyện Tân Sơn có trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**Chủ tịch****Nguyễn Doãn Khánh**

**Dự toán thu nsn năm 2007 huyện: Tân sơn**

*Kèm theo Quyết định số: 1043/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007  
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ*

Đơn vị tính: Triệu đồng

**Ghi chú:**

(1): Đã bao gồm chi dành nguồn để thực hiện cải cách tiền lương tối thiểu năm 2006 và các năm tiếp theo từ nguồn 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2007 (không bao gồm các khoản: Chi lương và các khoản có tính chất lương, 50% chi sự nghiệp kinh tế, chi trợ giá điện ảnh miền núi, chi đảm bảo xã hội, chi an ninh quốc phòng). Riêng nguồn 40% thu học phí năm 2007 để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định được xác định chính thức khi thẩm định nhu cầu và nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2006, 2007.

(2): Là chỉ tiêu dự toán chi ngân sách mức tối thiểu theo quy định (đã bao gồm bổ sung 1.000 triệu đồng tách huyện).

(3): Công trình nằm ở 2 huyện xong do huyện Thanh Sơn đã triển khai do vậy giao cho huyện Thanh Sơn tiếp tục thực hiện và thanh, quyết toán.

(1) Không bao gồm số do Cục thuế tỉnh quản lý thu là 1.055 triệu đồng.

(2) Không bao gồm số của Cục thuế tỉnh quản lý thu là 45 triệu đồng.

**Quyết định**

**V/ v Duyệt đối tượng, số lượng, mức trợ giá và giá bán giống lúa lai Trung Quốc, lúa nguyên chủng vụ mùa năm 2007**  
**ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2004/TT-BTC ngày 30/1/2004 của Bộ Tài chính;*

*Xét đề nghị tại Tờ trình số 456/TT-VG ngày 24/4/2007 của Sở Tài chính,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Duyệt đối tượng, số lượng, mức trợ giá và giá bán giống lúa lai Trung Quốc, lúa nguyên chủng vụ mùa năm 2007 như sau:

1. Đối tượng được trợ giá:

- Lúa lai Trung Quốc: Các hộ dân thuộc các xã miền núi đặc biệt khó khăn, ATK và các bản động vùng cao (theo quy định của Chính phủ) sử dụng giống lúa lai Trung Quốc gieo trồng.
- Lúa nguyên chủng: áp dụng cho các xã đồng bằng, xã trung du và sử dụng nguồn kinh phí của địa phương để trợ giá, trợ cước vận chuyển.

2. Chủng loại giống được trợ giá: Ưu tiên cho những giống đã sản xuất tại Trung tâm Giống cây trồng tỉnh Phú Thọ, sau đó được áp dụng cho số lượng giống mua ngoài.

- Lúa lai Trung Quốc: Nhị ưu 63, 838, nhị ưu số 7, bồi tạp Sơn Thanh, Q.uu 1, việt lai 20.
- Lúa nguyên chủng: X21, Xi 23, KD18, Q5, nếp 97, AYT77.
- Giống lúa nguyên chủng chất lượng cao, DT122, hương thơm 1, Khang dân 18 đột biến.

3. Số lượng giống, mức trợ giá và kinh phí trợ giá:

4. Cơ chế bán: Thu tiền ngay sau khi nhận giống
5. Giá bán các loại giống có trợ giá, trợ cước tại TTCX miền núi:

*Đơn vị tính: Đồng/kg*

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Trung tâm Giống cây trồng đảm bảo đủ số lượng, chủng loại và chất lượng giống lúa cung ứng cho nông dân sản xuất vụ mùa năm 2007 kịp thời vụ.

UBND các huyện, thành, thị thông báo rộng rãi về đối tượng được trợ giá, giá bán các loại giống cho các xã để các xã đăng ký cụ thể số lượng, chủng loại giống ký hợp đồng với Trung tâm Giống cây trồng; tiếp nhận thanh toán đầy đủ theo số lượng đã đăng ký. Trường hợp không thực hiện theo đúng hợp đồng gây thiệt hại về kinh tế sẽ khấu trừ vào ngân sách huyện tương ứng số bị thiệt hại.

Sở Tài chính chuyển tiền cho Trung tâm Giống cây trồng từ nguồn kinh phí trợ giá, trợ cước và kiểm tra, quyết toán theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành, thị, Trung tâm Giống cây trồng và đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**tm. ủy ban nhân dân**

**kt. chủ tịch**

**phó chủ tịch**

**Nguyễn Ngọc Hải**

**Quyết định****Về việc đổi tên phòng Giáo dục các huyện, thành, thị thành phòng Giáo dục và Đào tạo****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005;*

*Căn cứ Nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Văn bản số 2655/BGDĐT-TCCB ngày 29/5/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc đổi tên phòng Giáo dục;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và Giám đốc Sở Nội vụ,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Đổi tên phòng Giáo dục các huyện, thành, thị thành phòng Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị căn cứ Quyết định thi hành.

**Chủ tịch****Nguyễn Doãn Khánh**

**Quyết định****Về việc thành lập Trung tâm dịch vụ - du lịch Đền Hùng trực thuộc Khu di tích lịch sử Đền Hùng****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-UB ngày 23 tháng 2 năm 2005 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thành lập Khu di tích lịch sử Đền Hùng;*

*Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-UB ngày 9 tháng 6 năm 2005 của UBND tỉnh Phú Thọ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Khu di tích lịch sử Đền Hùng;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ và Giám đốc Khu di tích lịch sử Đền Hùng,*

**Quyết định:****Điều 1.** Thành lập Trung tâm dịch vụ - du lịch Đền Hùng.

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Khu di tích lịch sử Đền Hùng có chức năng tổ chức các hoạt động dịch vụ và du lịch trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng để giao dịch.

Địa điểm của Trung tâm đặt tại Khu di tích lịch sử Đền Hùng - xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

**Điều 2.** Nhiệm vụ của Trung tâm:

- Phối hợp cùng các phòng chức năng của Khu di tích xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển dịch vụ và du lịch tại Di tích lịch sử Đền Hùng.

- Chủ động tìm kiếm, khai thác thị trường, mở rộng thêm các loại hình kinh doanh dịch vụ trong Khu di tích lịch sử Đền Hùng. Tổ chức các dịch vụ tại chỗ như: Ăn uống, giải khát, bán hàng lưu niệm, chụp ảnh, quay camera, vận chuyển khách và trông giữ phương tiện phục vụ đồng bào về thăm viếng Khu di tích lịch sử Đền Hùng.

- Nghiên cứu, tìm hiểu thị hiếu của khách, từng bước sản xuất, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, các mặt hàng lưu niệm, hàng thủ công mỹ nghệ mang bản sắc văn hóa vùng Đất Tổ.

- Xây dựng và tổ chức các chương trình du lịch trọn gói, từng phần, đưa khách du lịch đi tham quan, các tour, tuyến du lịch giữa Đền Hùng với thành phố Việt Trì, những điểm tham quan, hành lễ và với các điểm du lịch khác trong khu vực.

- Quảng bá, giới thiệu vị thế của di tích Đền Hùng và các chương trình du lịch về nguồn trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được UBND tỉnh và Giám đốc Khu di tích lịch sử Đền Hùng giao.

**Điều 3.** Tổ chức bộ máy, biên chế và cơ chế tài chính của Trung tâm:

## a) Tổ chức bộ máy:

- Lãnh đạo Trung tâm: Có Giám đốc và Phó Giám đốc.

- Các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ.

b) Biên chế:

- Bộ phận được ngân sách hỗ trợ: 03 biên chế.

- Bộ phận do đơn vị tự trang trải: Do Trung tâm tự quyết định cho phù hợp với yêu cầu công việc và khả năng cân đối tài chính, trước mắt số lượng không vượt quá tổng số 50 lao động.

c) Cơ chế tài chính của Trung tâm: Trung tâm dịch vụ - du lịch Đền Hùng thực hiện chế độ hạch toán kế toán và cơ chế tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ “Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập” và các văn bản quy định khác về tài chính.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và Giám đốc Khu di tích lịch sử Đền Hùng, Trung tâm dịch vụ - du lịch Đền Hùng căn cứ Quyết định thi hành.

**Chủ tịch**

**Nguyễn Doãn Khánh**



**Quyết định****Về việc bổ nhiệm chức vụ Trưởng ban Ban quản lý Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phía Nam huyện Thanh Ba****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Quyết định số 2765/2006/QĐ-UBND về việc ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước tỉnh Phú Thọ;*

*Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 02/3/2007 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thành lập Ban quản lý Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phía Nam huyện Thanh Ba;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Bổ nhiệm ông **Nguyễn Mạnh Hùng**, Phó Chủ tịch UBND huyện Thanh Ba, kiêm giữ chức vụ Trưởng ban, Ban quản lý Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phía Nam huyện Thanh Ba.

**Điều 2.** Lương và phụ cấp của ông **Nguyễn Mạnh Hùng** thực hiện theo chế độ hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Thanh Ba và ông **Nguyễn Mạnh Hùng** căn cứ Quyết định thực hiện.

**Chủ tịch****Nguyễn Doãn Khánh**

**Quyết định****Về việc sát nhập Hạt phúc kiểm lâm sản thị xã Phú Thọ và Hạt kiểm lâm Lâm Thao thành Hạt kiểm lâm Phú Lâm trực thuộc Chi cục Kiểm lâm****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Nghị định số 119/2006/NĐ-CP ngày 16/10/2006 của Chính phủ về tổ chức hoạt động của Kiểm lâm;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số: 22/2007/TTLT ngày 27/3/2007 của Bộ Nông nghiệp & PTNT và Bộ Nội vụ về nhiệm vụ quyền hạn cơ cấu tổ chức của Kiểm lâm địa phương;*

*Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Giám đốc Sở Nội vụ,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Sát nhập Hạt phúc kiểm lâm sản thị xã Phú Thọ và Hạt kiểm lâm Lâm Thao thành Hạt kiểm lâm Phú Lâm trực thuộc Chi cục Kiểm lâm.

Hạt kiểm lâm Phú Lâm có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động.

Trụ sở của Hạt đặt tại thị trấn Lâm Thao - huyện Lâm Thao.

**Điều 2.** Nhiệm vụ, quyền hạn của Hạt kiểm lâm Phú Lâm thực hiện theo Điều 9 của Nghị định số 119/206/NĐ-CP ngày 16/10/2006 của Chính phủ về tổ chức hoạt động của kiểm lâm.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị căn cứ Quyết định thi hành.

**Chủ tịch****Nguyễn Doãn Khánh**

**Quyết định****Về việc đổi tên Đội Kiểm lâm cơ động thành Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Nghị định số 119/2006/NĐ-CP ngày 16/10/2006 của Chính phủ về tổ chức hoạt động của Kiểm lâm;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số: 22/2007/TTLT ngày 27/3/2007 của Bộ Nông nghiệp & PTNT và Bộ Nội vụ về nhiệm vụ quyền hạn cơ cấu tổ chức của Kiểm lâm địa phương;*

*Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Giám đốc Sở Nội vụ,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Đổi tên Đội Kiểm lâm cơ động thành Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng trực thuộc Chi cục Kiểm lâm.

Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động. Trụ sở của Đội đặt tại thành phố Việt Trì.

**Điều 2.** Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng:

- Tuân tra kiểm soát địa bàn, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về rừng,

- Tăng cường hỗ trợ các đơn vị trên địa bàn kiểm tra, truy quét các tụ điểm khai thác, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển lâm sản và động vật hoang dã trái phép; cơ động, trực tiếp chỉ huy và tham gia chữa cháy rừng theo yêu cầu nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị căn cứ Quyết định thi hành.

**Chủ tịch****Nguyễn Doãn Khánh**

**Quyết định****Về việc đổi tên Hạt phúc kiểm lâm sản Việt Trì thành Hạt kiểm lâm Việt Trì trực thuộc Chi cục Kiểm lâm****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Nghị định số 119/2006/NĐ-CP ngày 16/10/2006 của Chính phủ về tổ chức hoạt động của Kiểm lâm;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số: 22/2007/TTLT ngày 27/3/2007 của Bộ Nông nghiệp & PTNT và Bộ Nội vụ về nhiệm vụ quyền hạn cơ cấu tổ chức của kiểm lâm địa phương;*

*Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Giám đốc Sở Nội vụ,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Đổi tên Hạt phúc kiểm lâm sản Việt Trì thành Hạt kiểm lâm Việt Trì trực thuộc Chi cục Kiểm lâm.

Hạt kiểm lâm Việt Trì có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động.

Trụ sở của Hạt đặt tại thành phố Việt Trì.

**Điều 2.** Nhiệm vụ, quyền hạn của Hạt kiểm lâm Việt Trì thực hiện theo Điều 9 của Nghị định số: 119/2006/NĐ-CP ngày 16/10/2006 của Chính phủ về tổ chức hoạt động của Kiểm lâm.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị căn cứ Quyết định thi hành.

**Chủ tịch****Nguyễn Doãn Khánh**

**Quyết định****Về việc thành lập các phòng chuyên môn trực thuộc Chi cục Kiểm lâm****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Nghị định số 119/2006/NĐ-CP ngày 16/10/2006 của Chính phủ về tổ chức hoạt động của Kiểm lâm;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số: 22/2007/TTLT ngày 27/3/2007 của Bộ Nông nghiệp & PTNT và Bộ Nội vụ về nhiệm vụ quyền hạn cơ cấu tổ chức của kiểm lâm địa phương;*

*Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Giám đốc Sở Nội vụ,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Thành lập các phòng chuyên môn trực thuộc Chi cục Kiểm lâm như sau:

1. Phòng Quản lý, bảo vệ rừng;
2. Phòng Thanh tra, pháp chế;
3. Phòng Bảo tồn thiên nhiên;
4. Phòng Tổ chức, xây dựng lực lượng;
5. Phòng Hành chính, tổng hợp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị căn cứ Quyết định thi hành.

**Chủ tịch**

**Nguyễn Doãn Khánh**

**Quyết định****Về việc giải thể Hạt kiểm lâm Vườn Quốc gia Xuân Sơn để thành lập Hạt kiểm lâm huyện Tân Sơn trực thuộc Chi cục Kiểm lâm****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2007/NĐ-CP, ngày 09/4/2007 của Chính phủ “Về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Thanh Sơn để thành lập huyện Tân Sơn tỉnh Phú Thọ”.*

*Căn cứ Nghị định số 119/2006/NĐ-CP ngày 16/10/2006 của Chính phủ về tổ chức hoạt động của Kiểm lâm và Thông tư liên tịch số: 22/2007/TTLT ngày 27/3/2007 của Bộ Nông nghiệp & PTNT - Bộ Nội vụ về nhiệm vụ quyền hạn cơ cấu tổ chức của kiểm lâm địa phương;*

*Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Giám đốc Sở Nội vụ,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Giải thể Hạt kiểm lâm Vườn Quốc gia Xuân Sơn để thành lập Hạt kiểm lâm huyện Tân Sơn trực thuộc Chi cục Kiểm lâm.

Hạt kiểm lâm huyện Tân Sơn có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động.

Trụ sở của Hạt đặt tại xã Tân Phú - huyện Tân Sơn.

**Điều 2.** Nhiệm vụ, quyền hạn của Hạt kiểm lâm huyện Tân Sơn thực hiện theo Điều 9 của Nghị định số: 119/2006/NĐ-CP ngày 16/10/2006 của Chính phủ về tổ chức hoạt động của Kiểm lâm.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị căn cứ Quyết định thi hành.

**Chủ tịch****Nguyễn Doãn Khánh**

**Quyết định****Về việc điều chỉnh tên Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Phú Thọ****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/9/2006 của Chính phủ về chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên;*

*Căn cứ Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 28/12/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Phú Thọ tại Tờ trình số 132/TT-CN ngày 12/5/2007,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Điều chỉnh tên Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Phú Thọ, thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cấp nước Phú Thọ.

Các nội dung khác giữ nguyên như Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 28/12/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, các thành viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh và Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Phú Thọ, các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

**kt. chủ tịch**

**phó chủ tịch**

**Nguyễn Ngọc Hải**

**Quyết định****V/v bổ sung thành viên Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão tỉnh****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Pháp lệnh Phòng chống lụt, bão đã được sửa đổi, bổ sung ngày 24/8/2000;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão;*

*Căn cứ Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 04/4/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão tỉnh;*

*Xét đề nghị của Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão tỉnh tại Văn bản số 21/BCH-VP ngày 09/5/2007,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Bổ sung ông Vũ Quốc Tuấn - Phó Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đê điều và phòng chống lụt bão tỉnh vào Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão tỉnh với nhiệm vụ làm Phó Chánh Văn phòng Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão tỉnh.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các ông có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thực hiện.

**Chủ tịch****Nguyễn Doãn Khánh**



**Quyết định****V/v thay đổi thành viên phân Ban chỉ huy chậm lũ Tam Thanh****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Pháp lệnh Phòng chống lụt, bão đã được sửa đổi, bổ sung ngày 24/8/2000;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão;*

*Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 06/4/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn phân Ban chỉ huy chậm lũ Tam Thanh;*

*Xét đề nghị của Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão tỉnh tại Văn bản số 21/BCH-VP ngày 09/5/2007,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Thay đổi thành viên phân Ban chỉ huy chậm lũ Tam Thanh như sau:

1. Ông Vũ Quốc Tuấn - Phó Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão tỉnh thay ông Trần Quốc Bình - Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão tỉnh.

**Điều 2.** Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 06/4/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện Tam Nông, Thanh Thủy, Thanh Sơn và các ông có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thực hiện.

**Chủ tịch****Nguyễn Doãn Khánh**

**Quyết định****Về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 : 2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007 - 2010****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 : 2000 vào hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước;*

*Căn cứ Kế hoạch số 619/KH-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2007 của ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 : 2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007 - 2010;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (Công văn số 86/CV-KHCN ngày 27 tháng 4 năm 2007),*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 : 2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007 - 2010, gồm các ông, bà có tên sau:

**Trưởng ban:** Bà Nguyễn Thị Kim Hải, Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh.

**Phó Trưởng ban:**

1. Ông Đinh Văn Ngọc, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ - Thường trực Ban Chỉ đạo;
2. Ông Phạm Văn Tân, Giám đốc Sở Nội vụ.

**Ủy viên:**

1. Ông Đinh Quang Tú, Phó Chánh Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh;
2. Ông Nguyễn Tiến Sử, Phó Giám đốc Sở Tài chính;
3. Ông Bùi Văn Quang, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư;
4. Ông Đào Văn Phùng, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;
5. Ông Nguyễn Ngọc Hôn, Phó Giám đốc Sở Tư pháp;
6. Ông Vũ Minh Tuấn, Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng - Thư ký Ban Chỉ đạo.

**Điều 2.** Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 : 2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007 - 2010 theo nội dung Kế hoạch số 619/KH-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2007 của ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ;

- Nhiệm vụ của từng thành viên do Trưởng ban phân công;
- Ban Chỉ đạo tự giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành và các ông, bà có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thực hiện.

**Chủ tịch**

**Nguyễn Doãn Khánh**

**Quyết định****Về việc xét tuyển viên chức cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động Thương binh & Xã hội****Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phú thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23/10/2006 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp Nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 2765/2006/QĐ-UBND ngày 03/10/2006 của UBND tỉnh Phú Thọ về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước tỉnh Phú Thọ;*

*Căn cứ Quyết định số 3500/QĐ-UBND ngày 19/12/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao chỉ tiêu biên chế Hành chính sự nghiệp năm 2007;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 192/TTr-SNV ngày 16 tháng 4 năm 2007 về việc quyết định chủ trương xét tuyển viên chức cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động Thương binh & Xã hội,*

**Quyết định:**

**Điều 1.** Đồng ý chủ trương xét tuyển viên chức cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động Thương binh & Xã hội với số lượng 34 người (có chỉ tiêu từng đơn vị đính kèm). Đối tượng là những người đã tốt nghiệp hệ chính quy các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với cơ cấu ngạch viên chức cần tuyển dụng.

**Điều 2.** Giao Sở Lao động Thương binh & Xã hội xây dựng kế hoạch, thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức để thực hiện xét tuyển theo quy định.

Giao Sở Nội vụ kiểm tra, giám sát việc xét tuyển viên chức theo quy định tại Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23/10/2006 của Chính phủ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động Thương binh & Xã hội căn cứ quyết định thực hiện.

**Chủ tịch****Nguyễn Doãn Khánh**

**Nghị quyết****Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2007 - 2010****Hội đồng nhân dân huyện Hạ Hòa khóa XVII, kỳ họp thứ chín****(kỳ họp chuyên đề)**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 423/TTr-UBND ngày 09/4/2007 của UBND huyện Hạ Hòa về việc đề nghị phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN - TTCN) giai đoạn 2007 - 2010; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và thảo luận,*

**Quyết nghị:**

**Điều 1.** Tán thành Đề án phát triển CN - TTCN giai đoạn 2007 - 2010 của UBND huyện. Hội đồng nhân dân huyện nhấn mạnh một số nội dung sau:

**1 - Đánh giá kết quả phát triển CN - TTCN giai đoạn 2001 - 2006**

Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, HĐND huyện; sự chỉ đạo sát sao của UBND huyện; sự quyết tâm phấn đấu của các cấp, các ngành đã tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển, tạo sự chuyển biến về nhận thức cho các doanh nhân tin tưởng vào chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển CN - TTCN của huyện đồng thời tác động đến việc tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, phát triển các hoạt động văn hóa, củng cố an ninh trật tự trên địa bàn.

Các ngành CN - TTCN mà huyện có thế mạnh tiếp tục phát triển ổn định như chế biến chè, chế biến gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng. Thị trường tiêu thụ sản phẩm không ngừng được mở rộng. Các doanh nghiệp CN - TTCN ngày càng đóng góp đáng kể cho nguồn thu ngân sách địa phương.

Tuy nhiên, công tác xây dựng quy hoạch tổng thể và chi tiết phát triển CN - TTCN trên địa bàn huyện còn chậm được thực hiện; công tác phát triển nhân công kỹ thuật mới còn yếu; công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại còn hạn chế. Các xã, thị trấn chưa xây dựng được các chương trình, kế hoạch cụ thể để phát triển TTCN và làng nghề. Các thành phần kinh tế đầu tư phát triển CN - TTCN còn chưa nhiều; công nghệ sản xuất còn lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, sản phẩm chế biến hầu hết là sơ chế giá trị thấp, sức cạnh tranh trên thị trường hạn chế, hiệu quả kinh tế chưa cao.

**2. Phương hướng phát triển CN - TTCN giai đoạn 2007 - 2010****a) Phương hướng:**

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển CN - TTCN trên cơ sở khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương. Phát triển các mặt hàng trên cơ sở lựa chọn 5 ngành hàng trọng điểm là: Chế biến nông, lâm sản, thực phẩm; sản xuất vật liệu xây dựng; khai thác và chế biến khoáng sản, tận thu phế liệu và mở rộng dịch vụ công nghiệp; sản xuất hàng đan lát, thủ công mỹ nghệ, hàng xuất

khẩu; phát triển cơ khí nhỏ và hàng tiêu dùng. Trong đó ưu tiên phát triển các lĩnh vực địa phương có thể mạnh như: Chế biến chè, gỗ, chế biến nông lâm sản khác và sản xuất vật liệu xây dựng.

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất CN - TTCN trên địa bàn, tăng cường công tác chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đẩy mạnh nhân cấy nghề mới, xây dựng làng nghề và làng có nghề; phát triển và mở rộng nghề hiện có như đan lát, nghề mộc... đồng thời phát triển những nghề sản xuất, chế biến hàng phục vụ du lịch và xuất khẩu, góp phần giải quyết việc làm, tăng nguồn thu ngân sách, nâng cao thu nhập cho người lao động và cải thiện đời sống nhân dân.

#### b) Mục tiêu

\* Mục tiêu chung: Phần đầu đến năm 2010 giá trị CN - TTCN đạt trên 220.000 triệu đồng, tăng 1,5 lần so với năm 2006. Tốc độ tăng bình quân 12%/năm trở lên. Cơ cấu CN - TTCN ổn định chiếm tỷ trọng 34% trong cơ cấu kinh tế chung của huyện.

Phát triển sản xuất ngành nghề TTCN ở tất cả các xã, thị trấn trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. Phần đầu đến năm 2010 giá trị sản xuất TTCN của các hộ đạt tối thiểu 20% tổng giá trị sản xuất của các xã, thị trấn. Thu hút tạo việc làm thường xuyên cho 8.000 đến 10.000 lao động.

Tập trung phát triển các ngành hàng trọng điểm: Chế biến nông, lâm sản, thực phẩm; sản xuất vật liệu xây dựng, hàng cơ khí. Khuyến khích phát triển các mặt hàng thủ công mỹ nghệ trên cơ sở các làng có nghề và nhân cấy nghề để phục vụ nhu cầu du lịch và xuất khẩu.

#### \* Mục tiêu cụ thể:

- Lĩnh vực chế biến nông, lâm sản, thực phẩm.

Duy trì các cơ sở chế biến chè, chế biến gỗ hiện có; khuyến khích các cơ sở đầu tư dây chuyền sản xuất ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng uy tín, thương hiệu, hướng tới xuất khẩu trực tiếp. Tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu chè, mở rộng diện tích ở các xã: Đại Phạm, Hậu Bông, Hà Lương, Phụ Khánh; liên kết với các tỉnh, huyện lân cận tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến.

Tạo điều kiện phát triển và mở rộng các cơ sở chế biến nông, lâm sản như: Chế biến măng tre, hoa quả, bánh, bún... theo hướng từ thấp đến cao, từ cơ sở chế biến nhỏ quy mô hộ gia đình đến quy mô doanh nghiệp, mở rộng quy mô hình thành các làng nghề. Khuyến khích đầu tư các cơ sở chế biến măng, rau, quả ở các xã: Âm Hạ, Hậu Bông, Văn Lang.

Quy hoạch hợp lý các cơ sở chế biến nông, lâm sản gắn với vùng nguyên liệu; khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng.

Phần đầu đến năm 2010 một số sản phẩm chính đạt chỉ tiêu sau: Sản phẩm chè khô các loại 6.500 tấn, chế biến gỗ 15.000m<sup>3</sup>, xay sát lương thực 55.000 tấn, chế biến thực phẩm 430 tấn, giấy các loại 5.000 tấn, bột giấy 1.500 tấn.

- Lĩnh vực sản xuất hàng đan lát, thủ công mỹ nghệ:

Tập trung phát triển nghề đan lát ở làng nghề Minh Hòa (xã Minh Hạc); triển khai nhân cấy nghề thủ công mỹ nghệ sử dụng nguồn nguyên liệu mây, tre, trúc, cọ, tế ở các xã có điều kiện để sản xuất hàng phục vụ du lịch và xuất khẩu.

Khuyến khích, hỗ trợ khôi phục và phát triển sản xuất đồ gốm mỹ nghệ tại xã Yên Luật, Phương Viên, trên cơ sở hiện có của Công ty cổ phần nguyên liệu gốm sứ Đông Dương và các thành phần kinh tế có dự án đầu tư vào lĩnh vực này.

Phấn đấu đến năm 2010 một số sản phẩm chính đạt chỉ tiêu sau: Cốt nan 150.000m<sup>2</sup>, đồ gốm các loại 10.000 sản phẩm.

- Lĩnh vực sản xuất và khai thác vật liệu xây dựng:

Quy hoạch xây dựng các cơ sở sản xuất gạch ứng dụng công nghệ tuynel, lò đứng liên tục để hạn chế ô nhiễm môi trường, thay thế lò gạch thủ công.

Duy trì các cơ sở khai thác đá, cát, sỏi hiện có, đảm bảo khai thác có kế hoạch, đúng quy hoạch, đáp ứng nhu cầu xây dựng trên địa bàn, tập trung tại các xã ven sông và các xã vùng đồi có điều kiện.

Phấn đấu đến năm 2010 một số sản phẩm chính đạt chỉ tiêu sau: Gạch nung 35 triệu viên, cát, sỏi 30.000m<sup>3</sup>.

- Lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản:

Tạo điều kiện duy trì và phát triển cơ sở khai thác và chế biến cao lanh, trường thạch hiện có như: Công ty cổ phần nguyên liệu gốm sứ Đông Dương, Công ty cổ phần Phúc Bảo Minh.

Quy hoạch và tổ chức khai thác quặng sắt và các loại khoáng sản khác theo đúng quy định của Nhà nước.

Phấn đấu đến năm 2010 một số sản phẩm chính đạt chỉ tiêu sau: Cao lanh 5.000 tấn, Trường thạch 7.000 tấn.

- Lĩnh vực sản xuất cơ khí nhỏ và hàng tiêu dùng:

Tiếp tục tạo điều kiện duy trì các cơ sở gia công cơ khí nhỏ hiện có; khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các cơ sở sản xuất công cụ lao động phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp hàng gia công cơ khí cho chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, các cơ sở sản xuất, cung ứng vật tư, thiết bị và dịch vụ sửa chữa máy nông nghiệp và các phương tiện vận tải; tập trung ở thị trấn Hạ Hòa và các xã: Minh Hạc, Vĩnh Chân, Âm Hạ, Hương Xạ.

Phấn đấu đến năm 2010 một số sản phẩm chính đạt chỉ tiêu sau: Gia công đồ sắt 2.200m<sup>2</sup>, may trang phục 40.000 sản phẩm.

c) Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch, môi trường, quản lý chất lượng. Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Nhà nước và của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển CN - TTCN. Thực hiện tốt công tác động viên, khuyến khích toàn dân tham gia phát triển CN - TTCN. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề nhân cấy và truyền nghề mới, xây dựng làng nghề và làng có nghề.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng Nghị quyết về phát triển CN - TTCN giai đoạn 2007 - 2010 để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, động viên nhân dân vươn lên làm giàu và vận dụng có hiệu quả cơ chế, chính sách của Nhà nước vào sản xuất tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương theo định hướng phát triển.

- Phát triển các mặt hàng trên cơ sở lựa chọn 5 ngành hàng trọng điểm là: Chế biến nông lâm sản, thực phẩm; sản xuất vật liệu xây dựng; khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, hàng xuất khẩu; cơ khí nhỏ và hàng tiêu dùng; xây dựng và triển khai có hiệu quả quy hoạch cụm công nghiệp. Huy động các nguồn lực để đầu tư và hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp về điện, nước, giao thông, xử lý ô nhiễm môi trường tạo lợi thế thu hút đầu tư.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, tăng cường công tác quản lý Nhà nước về năng lực chỉ đạo của các cấp chính quyền. Bố trí hợp lý biên chế cán bộ trong lĩnh vực CN - TTCN ở huyện và cán bộ phụ trách phát triển TTCN ở các xã, thị trấn.

- Đẩy mạnh công tác khuyến công, nhân cấy nghề mới, xây dựng làng có nghề và làng nghề. Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm các địa phương có ngành nghề TTCN phát triển, kết hợp với dạy nghề tại chỗ nhất là lực lượng thanh niên nông thôn; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp, công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh và sử dụng công nghệ hiện đại.

- Củng cố kinh tế tập thể, hỗ trợ thành lập các hợp tác xã đồng thời chuyển đổi các hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả.

- Trợ giúp các doanh nghiệp tiếp cận với các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng, nhất là vốn vay ưu đãi. Hàng năm bố trí nguồn ngân sách hỗ trợ sự nghiệp khuyến công. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng nhằm thúc đẩy CN - TTCN phát triển.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao:

- UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị UBMTTQ huyện và các đoàn thể nhân dân vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND huyện Hạ Hòa khóa XVII, kỳ họp thứ chín (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2007.

**Chủ tịch**

**Nguyễn Cường Việt**



**Nghị quyết****Về phát triển Du lịch giai đoạn 2007 - 2010, định hướng đến 2015****Hội đồng nhân dân huyện Hạ Hòa khóa XVII, kỳ họp thứ chín****(kỳ họp chuyên đề)**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 422/TTr-UBND ngày 09/4/2007 của UBND huyện Hạ Hòa về việc đề nghị phê duyệt Đề án phát triển du lịch giai đoạn 2007 - 2010, định hướng đến 2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và thảo luận,*

**Quyết nghị:**

**Điều 1.** Tán thành Đề án phát triển du lịch giai đoạn 2007 - 2010, định hướng đến 2015 của UBND huyện. Hội đồng nhân dân huyện nhấn mạnh một số nội dung sau:

**1. Đánh giá kết quả phát triển du lịch giai đoạn 2001 - 2006.**

Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, HĐND huyện; sự chỉ đạo sát sao của UBND huyện; sự quyết tâm phấn đấu của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và nhân dân trong huyện sự nghiệp phát triển du lịch đã thu được những kết quả khá, công tác quản lý Nhà nước về du lịch được tăng cường. Một số khu du lịch đã được xây dựng quy hoạch như: Đền Mẫu Âu Cơ, Đầm Ao Châu, bước đầu đã triển khai thực hiện một số dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch.

Tuy nhiên, tiềm năng du lịch của huyện đa dạng, phong phú song nguồn lực đầu tư khai thác còn nhiều khó khăn. Công tác quản lý Nhà nước về du lịch còn hạn chế, chưa xây dựng được quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của huyện, việc lập quy hoạch chi tiết và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển du lịch chưa đồng bộ vì vậy hiệu quả chưa cao.

Công tác tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch, đặc biệt là xúc tiến đầu tư còn yếu; chưa tạo được sản phẩm du lịch hấp dẫn thu hút khách du lịch.

Nhận thức của một bộ phận cán bộ và nhân dân về vai trò của du lịch đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn còn hạn chế do đó hiệu quả công tác xã hội hóa hoạt động du lịch chưa cao.

**2. Phương hướng phát triển du lịch giai đoạn 2007 - 2010, định hướng đến 2015****a) Phương hướng chung**

Phát triển du lịch phải gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của địa phương, chủ động xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch một cách cụ thể, xác định rõ trọng tâm, trọng điểm để thực hiện có hiệu quả.

Phát triển du lịch phải thực hiện đồng thời giữa khai thác và tái tạo phát triển tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường sinh thái. Gắn việc phát triển du lịch với phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về du lịch. Đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hóa về du lịch, huy động mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động du lịch. Phát triển du lịch phải đặt trong mối quan hệ liên ngành, liên vùng trong huyện với tỉnh và cả nước.

Phát triển du lịch phải đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tập trung khai thác có hiệu quả các phong tục văn hóa truyền thống độc đáo của mỗi địa phương trên địa bàn huyện để tạo sức hấp dẫn thu hút khách du lịch.

#### b) Mục tiêu

##### \* Mục tiêu chung:

Phần đầu đến năm 2010 giá trị ngành du lịch đạt 31.500 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 4,5% trong cơ cấu kinh tế chung của huyện, chiếm 20% trong cơ cấu ngành Thương mại - Du lịch - Dịch vụ, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 18%/năm. Hoàn thành công tác quy hoạch các khu du lịch trên địa bàn.

Phần đầu đến năm 2015 giá trị ngành du lịch đạt 110.000 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 10% trong cơ cấu kinh tế chung của huyện, chiếm 30% trong cơ cấu ngành Thương mại - Du lịch - Dịch vụ, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 35%/năm. Cơ bản hoàn thiện về đầu tư các cơ sở hạ tầng ở các khu du lịch để đưa vào khai thác hàng năm đón khách đến tham quan từ 50.000 lượt người trở lên.

Huy động tối đa mọi nguồn lực đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch, tạo ra những sản phẩm du lịch phong phú, hấp dẫn thu hút khách du lịch, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ để tăng thời gian lưu trú của khách du lịch.

Tiếp tục củng cố nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước về du lịch, từng bước đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống nhân dân trong huyện.

##### \* Mục tiêu cụ thể:

- Phát triển cụm du lịch: Du lịch Hạ Hòa thuộc cụm du lịch thị xã Phú Thọ - Thanh Ba - Hạ Hòa - Đoan Hùng của tỉnh Phú Thọ, trong đó khu du lịch Đầm Ao Châu là trung tâm du lịch sinh thái. Gắn với các điểm du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng khác hình thành hai cụm du lịch tập trung:

+ Cụm số 1: Khu du lịch tâm linh điểm chính là Đền Mẫu Âu Cơ, khu du lịch gồm: Đền Mẫu Âu Cơ, chùa Linh Phúc, Chiến khu Văn (xã Hiền Lương); Ao Giời - Suối Tiên (xã Quân Khê); căn cứ kháng chiến (xã Xuân Áng); đền Nghè, đình Đông (xã Văn Lang).

+ Cụm số 2: Khu du lịch nghỉ dưỡng điểm chính là Đầm Ao Châu; khu du lịch gồm: Đầm Ao Châu (thị trấn Hạ Hòa); đền Chu Hưng (xã Âm Hạ); căn cứ kháng chiến (xã Gia Điền); Chiến khu 10 (xã Đại Phạm); chùa Phúc Sơn (xã Lang Sơn); chùa Lạnh (xã Y Sơn).

- Phát triển hạ tầng du lịch: Quy hoạch đất đai, kiến trúc, các công trình phụ trợ để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các khu du lịch bao gồm: Khu du lịch Đền Mẫu Âu Cơ, chùa Linh Phúc, Chiến khu Văn (xã Hiền Lương); khu du lịch Ao Châu (thị trấn Hạ Hòa); khu du lịch Ao

Giời - Suối Tiên (xã Quân Khê); Chiến khu 10 (xã Đại Phạm); các đình, đền, chùa ở các xã âm Hạ, Lang Sơn, Y Sơn, Văn Lang, Lệnh Khanh, Đan Thượng. Xây dựng hình thành 2 tuyến du lịch khép kín gồm:

+ Tuyến một: Điểm xuất phát Đền Mẫu Âu Cơ - Ao Giời, Suối Tiên - Chiến khu Văn, hồ Ngòi Văn (xã Hiền Lương) - căn cứ cách mạng (xã Xuân Áng) - đền Nghè, đình Đông (xã Văn Lang).

+ Tuyến hai: Điểm xuất phát Đầm Ao Châu (thị trấn Hạ Hòa) - đền Chu Hưng (xã âm Hạ) - căn cứ kháng chiến (xã Gia Điền) - Chiến khu 10 (xã Đại Phạm) - đình Nghè (xã Đan Thượng) - chùa Lệnh Khanh (xã Lệnh Khanh) - chùa Lạnh (xã Y Sơn) - chùa Phúc Sơn (xã Lang Sơn).

- Công tác quản lý du lịch:

Quy hoạch hệ thống quản lý du lịch ở huyện và các xã, thị trấn. Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý du lịch từ huyện đến cơ sở. Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho đội ngũ lao động trực tiếp trong các đơn vị hoạt động kinh doanh, dịch vụ du lịch.

Hình thành lực lượng lao động gián tiếp làm dịch vụ phục vụ du lịch ở các xã, thị trấn. Lao động trực tiếp từ hoạt động sản xuất ở làng nghề và làng có nghề. Mở rộng sản xuất, kinh doanh các hình thức dịch vụ phục vụ du lịch.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để nhân dân tích cực tham gia các hoạt động du lịch trên địa bàn huyện.

c) Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ và nhân dân về vị trí, vai trò của du lịch đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Phân đấu đến năm 2015 du lịch trở thành ngành kinh tế phát triển chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế chung của huyện. Cụ thể:

+ Giai đoạn 2007 - 2010: Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành ở tỉnh và Trung ương để tổ chức quảng bá tiềm năng du lịch. Tập trung tuyên truyền, quảng bá thu hút đầu tư và thu hút khách du lịch theo từng chương trình, từng điểm du lịch cụ thể. Nghiên cứu và xuất bản các ấn phẩm sách, báo, các hình thức quảng bá nhằm giới thiệu, hướng dẫn du khách về quê hương Hạ Hòa.

+ Giai đoạn 2010 - 2015: Huy động nguồn vốn ngân sách Nhà nước, vốn của các tổ chức phi Chính phủ, vốn của các doanh nghiệp và cá nhân tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ phát triển du lịch, đồng thời đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ cho du lịch, chuyển dần lao động nông nghiệp và lao động khác sang chuyên phục vụ du lịch. Thu hút lao động được đào tạo chuyên ngành du lịch về công tác tại địa phương.

- Quy hoạch các khu du lịch, các điểm du lịch, xây dựng các cơ chế ưu đãi thu hút đầu tư để triển khai thực hiện các dự án. Xây dựng, điều chỉnh quy hoạch khu du lịch Đầm Ao Châu, rừng cảnh quan núi Nả, khu du lịch Ao Giời - Suối Tiên cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, bao gồm: Quy hoạch xây dựng hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, khu vui chơi thể thao. Tổ chức 2 tuyến du lịch khép kín nối liền các khu du lịch trên địa bàn. Đầu tư xây dựng hạ tầng cho các điểm, khu du lịch; xây dựng hạ tầng các làng nghề, thực hiện cơ chế hỗ trợ nhằm phát triển các nghề sản xuất sản phẩm phục vụ du lịch.

- Huy động nguồn vốn đầu tư theo phương châm vừa tranh thủ các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước vừa huy động nguồn vốn các nhà đầu tư trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng (trong đó nguồn vốn chủ yếu từ các các nhà đầu tư) phục vụ du lịch. Trong đó: Nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư về quy hoạch chi tiết, hệ thống đường giao thông, hệ thống điện, nước...; nguồn vốn của doanh nghiệp đầu tư xây dựng tuyến đường nội vùng, hệ thống nhà nghỉ, nhà hàng, bãi đỗ xe, khu đón tiếp, khu vui chơi giải trí, thể thao...; nguồn vốn của nhân dân đầu tư kinh doanh du lịch như xây dựng khu vui chơi giải trí quy mô vừa và nhỏ, nhà nghỉ, nhà hàng...

Nhà nước thực hiện đào tạo tập trung về cán bộ quản lý ngành du lịch, trước mắt phối hợp với Sở Thương Mại - Du lịch đào tạo ngắn hạn cán bộ quản lý đối với cấp huyện và các xã có điểm du lịch, đồng thời đào tạo các hướng dẫn viên du lịch cấp huyện gắn với hai tuyến du lịch trên địa bàn, hướng dẫn doanh nghiệp và nhân dân đầu tư kinh doanh du lịch.

Đối với các doanh nghiệp khi quyết định đầu tư cần phải có kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý, nhân viên các nhà hàng, nhà nghỉ trong các khu du lịch, sử dụng lao động đảm bảo ổn định công việc và thu nhập cho người lao động.

Đối với các xã có điều kiện về du lịch, trước mắt vận động nhân dân bằng nguồn lao động tại chỗ chuyển kinh doanh dịch vụ theo tập quán cũ sang kinh doanh du lịch như bán hàng ăn, hàng lưu niệm... Những nơi có làng nghề cần đào tạo lao động vừa sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, hàng truyền thống, mây tre đan vừa chuyên môn hóa phục vụ các hoạt động về du lịch.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao:

- UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị UBMTTQ huyện và các đoàn thể nhân dân vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND huyện Hạ Hòa khóa XVII, kỳ họp thứ chín (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2007.

**Chủ tịch**

**Nguyễn Cường Việt**

**Nghị quyết****Về kế hoạch thực hiện chiến lược xây dựng gia đình giai đoạn 2007 - 2010****Hội đồng nhân dân huyện Hạ Hòa khóa XVII, kỳ họp thứ chín****(kỳ họp chuyên đề)**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 396/TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2007 của UBND huyện Hạ Hòa về việc đề nghị HĐND huyện phê duyệt kế hoạch thực hiện chiến lược xây dựng gia đình giai đoạn 2007 - 2010; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và thảo luận,*

**Quyết nghị:**

**Điều 1.** Tán thành thông qua kế hoạch thực hiện chiến lược xây dựng gia đình huyện Hạ Hòa, giai đoạn 2007 - 2010. HĐND huyện nhấn mạnh một số nội dung sau:

I - Mục tiêu:

**1. Mục tiêu chung:**

Từng bước ổn định, củng cố và xây dựng gia đình ít con (mỗi cặp vợ chồng có một hoặc hai con), no ấm, tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc.

**2. Các mục tiêu cụ thể:**

a) Mục tiêu 1:

Củng cố, ổn định gia đình trên cơ sở kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa của gia đình trong xã hội phát triển, thực hiện quy mô gia đình ít con (mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con); thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm của các thành viên trong gia đình, đặc biệt là trách nhiệm của các thành viên trong gia đình đối với trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi.

Các chỉ tiêu cơ bản cần đạt vào năm 2010:

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa trên 75%;
- Chỉ tiêu 2: Mỗi cặp vợ chồng có một hoặc hai con;
- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn được trang bị kiến thức về hôn nhân và gia đình đạt 95%;
- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ người cao tuổi trong gia đình được con cháu phụng dưỡng chăm sóc hoặc được Nhà nước, cộng đồng hỗ trợ nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật từ 95 - 100%;
- Chỉ tiêu 5: Gia đình thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đạt từ 90% trở lên.

b) Mục tiêu 2:

Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, chức năng của gia đình và cộng đồng trong thực hiện chính sách pháp luật hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, tăng cường phòng ngừa, ngăn chặn sự thâm nhập của các tệ nạn xã hội vào gia đình; tăng cường phòng chống bạo lực trong gia đình, khuyến khích phát huy các phong tục, tập quán tốt đẹp, xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân và gia đình.

Các chỉ tiêu cần đạt vào năm 2010:

- Chỉ tiêu 1: 100% hộ gia đình được tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, trách nhiệm của gia đình trong ổn định và phát triển xã hội;
- Chỉ tiêu 2: Xóa tình trạng tảo hôn;
- Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ lệ các vụ việc có liên quan đến hành vi bạo lực trong gia đình hàng năm.

c) Mục tiêu 3:

Nâng cao mức sống gia đình trên cơ sở phát triển kinh tế gia đình tạo việc làm, tăng thu nhập và phúc lợi, đặc biệt đối với các gia đình chính sách, gia đình thuộc các dân tộc ít người, gia đình nghèo, gia đình ở vùng đặc biệt khó khăn.

Các chỉ tiêu cơ bản cần đạt vào năm 2010:

- Chỉ tiêu 1: Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10% (theo tiêu chí 2005);
- Chỉ tiêu 2: Duy trì 100% gia đình chính sách, người có công với cách mạng được hưởng các chế độ ưu đãi của Nhà nước, có mức sống cao hơn hoặc bằng mức sống trung bình nơi cư trú. Gia đình nạn nhân chất độc da cam, gia đình nghèo, gia đình vùng đặc biệt khó khăn được Nhà nước, cộng đồng quan tâm chăm sóc, hỗ trợ nâng cao mức sống về vật chất và tinh thần;
- Chỉ tiêu 3: 100% gia đình có nhà ở;
- Chỉ tiêu 4: 100% hộ gia đình nghèo, gia đình vùng đặc biệt khó khăn được tiếp cận với các dịch vụ văn hóa, y tế, giáo dục và các phúc lợi xã hội khác;
- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch sinh hoạt đạt 80%.

II - Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

### **1. Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về công tác gia đình:**

Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chương trình, kế hoạch về công tác gia đình; thực hiện có hiệu quả việc phối hợp lồng ghép các hoạt động của các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ của công tác gia đình.

Thực hiện việc kiểm tra, giám sát thường xuyên và đánh giá định kỳ, tổng kết rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình gia đình với các tiêu chí: No ảm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Thiết lập hệ thống tin quản lý cơ sở dữ liệu dân cư, cung cấp kịp thời, chính xác những thông tin cần thiết phục vụ cho công việc chỉ đạo, điều phối công tác quản lý Nhà nước về gia đình.

Tiếp tục củng cố, kiện toàn và ổn định bộ máy cán bộ làm công tác Dân số GD & TE từ huyện đến cơ sở. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý Nhà nước về gia đình.

**2. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác gia đình:**

Tăng cường sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, các gia đình, cộng đồng và mọi người dân nhằm từng bước đẩy mạnh xã hội hóa bằng công tác gia đình. Xây dựng khuyến khích và nhân rộng các mô hình gia đình phát triển bền vững như: Gia đình làm kinh tế giỏi, gia đình có nhiều thế hệ chung sống mẫu mực, gia đình hiếu học.

Động viên khuyến khích gia đình thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Có ý chí tự lực vươn lên, giữ gìn và phát huy văn hóa gia đình, dòng họ, tích cực tham gia xây dựng gia đình và thực hiện hương ước, quy ước làng xã, quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Củng cố ổn định và phát triển gia đình gắn với phát triển cộng đồng, phát huy nghĩa vụ và trách nhiệm của gia đình với cộng đồng, củng cố và phát huy tình làng nghĩa xóm đoàn kết giúp đỡ nhau để đời sống mỗi gia đình ngày càng được cải thiện.

**3. Chú trọng công tác thông tin, giáo dục, truyền thông:**

Tổ chức tuyên truyền, vận động giáo dục truyền thông thay đổi hành vi nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, của cộng đồng và các thành viên trong gia đình về: Vị trí, vai trò, chức năng của gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giáo dục và tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về gia đình: Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Pháp lệnh Dân số, Pháp lệnh Gia đình, Pháp lệnh Người cao tuổi, kế hoạch thực hiện chiến lược xây dựng gia đình giai đoạn 2007 - 2010.

Phổ biến, cung cấp kiến thức về kỹ năng sống, chủ động phòng chống xâm nhập của các tệ nạn xã hội vào gia đình, kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu có chọn lọc những giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển. Chú trọng nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và trách nhiệm của gia đình, quyền và trách nhiệm của các thành viên trong gia đình. Tổ chức cuộc sống gia đình, giới và bình đẳng giới, kỹ năng làm cha, mẹ, bảo vệ chăm sóc trẻ em, chăm sóc người cao tuổi.

Huy động sức mạnh tổng hợp của các loại hình thông tin đại chúng, coi trọng hình thức truyền thông trực tiếp tại cộng đồng. Phối hợp với đối tượng tăng cường giáo dục kiến thức về gia đình trong nhà trường, cộng đồng và xã hội. Phổ biến các bài học kinh nghiệm và nhân rộng các điển hình tiên tiến về công tác gia đình.

Xây dựng mạng lưới tư vấn cấp huyện và cơ sở để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công tác gia đình. Tiếp nhận và chuyển tải các chương trình khoa giáo tư vấn về gia đình trên phương tiện thông tin đại chúng, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn trực tiếp về gia đình.

**4. Khuyến khích phát triển kinh tế gia đình:**

Tích cực khai thác và tạo điều kiện thuận lợi cho các gia đình vay vốn ngắn hạn, dài hạn nhằm xóa đói, giảm nghèo, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, mở rộng phát triển kinh tế, đẩy mạnh loại hình kinh tế trang trại, từng bước vươn lên làm giàu chính đáng.

Mở rộng các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, khuyến khích phát triển thêm ngành nghề mới và sử dụng lực lượng được đào tạo về kỹ

thuật, công nghệ để chuyển giao công nghệ cho các gia đình phát triển kinh tế, tạo sự gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa kinh tế hộ gia đình và kinh tế tập thể.

Các tổ chức nghề nghiệp có trách nhiệm tiếp nhận và cung cấp thông tin kinh tế cho các hộ gia đình, cung cấp kiến thức, kỹ thuật mới, đầu tư công nghệ mới, kinh nghiệm kinh doanh, kiến thức pháp luật, quản lý cho các thành viên gia đình.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong các trường phổ thông. Mở lớp đào tạo nghề và quản lý kinh tế cho thanh niên khi bước vào độ tuổi lao động phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng nhóm dân cư, khuyến khích tư nhân tham gia hướng nghiệp và đào tạo nghề.

Lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia đặc biệt là chương trình DS/KHHGD, chương trình xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm nhằm khai thác sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để giảm nhanh tỷ lệ các hộ nghèo, tăng tỷ lệ hộ giàu, hộ khá.

Khuyến khích các gia đình hỗ trợ nhau sản xuất kinh doanh trong các hội nghề nghiệp, các câu lạc bộ. Hỗ trợ gia đình chuyên dịch cơ cấu sản xuất, sáng tạo sản phẩm mới, dịch vụ mới và tìm kiếm thị trường tạo sự gắn kết giữa kinh tế hộ gia đình và kinh tế tập thể.

#### **5. Đẩy mạnh phong trào “Xây dựng gia đình văn hóa”:**

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học, xã, thị trấn khuyến học; đẩy mạnh phong trào “Ông, bà, cha, mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền” góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, tình yêu thương của mỗi thành viên trong gia đình. Tích cực phòng chống các tệ nạn xã hội tại gia đình và cộng đồng, giữ gìn an ninh trật tự, kiểm soát và ngăn chặn kịp thời các hoạt động văn hóa không lành mạnh gây tổn hại đến gia đình.

#### **6. Xây dựng và phát triển mạng lưới dịch vụ gia đình và cộng đồng:**

Xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ gia đình, cộng đồng, tạo điều kiện cho gia đình tiếp cận kiến thức pháp luật, văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật và phúc lợi xã hội.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hòa giải tại cộng đồng, hình thành các loại hình dịch vụ tư vấn phù hợp.

Tăng cường tư vấn về pháp luật, hôn nhân và gia đình, y tế, văn hóa, giáo dục, phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ở các khu dân cư nhằm đáp ứng nhu cầu của gia đình.

Xây dựng một số loại hình dịch vụ gia đình và cộng đồng nhằm giáo dục kiến thức về gia đình, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, dịch vụ khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ và các dịch vụ phục vụ sinh hoạt gia đình.

Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống các trường mầm non, quan tâm đến các loại hình dân lập và tư thục, xây dựng và thực hiện các mô hình chăm sóc người tàn tật và người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đưa các nội dung giáo dục về gia đình vào sinh hoạt tại các nhà văn hóa ở các khu dân cư.

#### **7. Thực hiện chính sách ưu đãi, ưu tiên và trợ giúp xã hội cho gia đình:**



Thực hiện chính sách ưu đãi đối với các gia đình chính sách, ưu tiên đối với gia đình thuộc dân tộc ít người đang sống ở vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với các gia đình gặp rủi ro, thiên tai, gia đình neo đơn, gia đình có người tàn tật, gia đình nghèo, gia đình có nạn nhân nhiễm chất độc hóa học.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao:

- ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện nghị quyết này.
- Thường trực HĐND, các ban và đại biểu HĐND huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND huyện Hạ Hòa khóa XVII, kỳ họp thứ chín (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2007.

**Chủ tịch**

**Nguyễn Cường Việt**

**Nghị quyết****Về việc thực hiện phổ cập bậc trung học trên địa bàn huyện Hạ Hòa giai đoạn 2007 - 2010 và định hướng đến năm 2015****Hội đồng nhân dân huyện Hạ Hòa khóa XVII kỳ họp thứ chín  
(kỳ họp chuyên đề)**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số: 400/TTr-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2007 của ủy ban nhân dân huyện Hạ Hòa về việc đề nghị HĐND huyện phê duyệt Đề án thực hiện phổ cập bậc trung học trên địa bàn huyện Hạ Hòa giai đoạn 2007 - 2010 và định hướng đến năm 2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và thảo luận,*

**Quyết nghị:**

**Điều 1.** Tán thành thông qua Đề án thực hiện phổ cập bậc trung học trên địa bàn huyện Hạ Hòa giai đoạn 2007 - 2010 và định hướng đến năm 2015; HĐND huyện nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu sau:

**I - Mục tiêu****1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2015**

Mở rộng quy mô giáo dục hợp lý, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, tăng cường cơ sở vật chất trường học theo hướng chuẩn hóa; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đích thực; duy trì và củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; thực hiện tích cực các tiêu chuẩn phổ cập bậc Trung học, phấn đấu để huyện Hạ Hòa đạt chuẩn phổ cập bậc Trung học vào năm 2015.

**2. Mục tiêu cụ thể****2.1. Mục tiêu giai đoạn 2007 - 2010:**

- Duy trì 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
- Phấn đấu toàn huyện có ít nhất 60% số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập bậc trung học tại thời điểm tháng 10 năm 2010, theo các tiêu chí về huy động học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở vào học THPT, bổ túc THPT, Trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề đã quy định.

**2.2. Mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015:**

Phấn đấu huyện Hạ Hòa đạt chuẩn phổ cập bậc trung học vào cuối năm 2015 với các tiêu chí cụ thể sau:

- Duy trì vững chắc kết quả 100% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở và đến năm 2015 có ít nhất 90% số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập bậc trung học.
- Phấn đấu đến năm 2015 toàn huyện có 2 trường Trung học phổ thông, 9 trường THCS, 25 trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Huyện có Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp.

**II - Nhiệm vụ và một số giải pháp chủ yếu**

## **1. Nhiệm vụ và các giải pháp cơ bản trong giai đoạn 2007 - 2010**

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các đoàn thể và toàn xã hội về công tác phổ cập bậc trung học.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền tổ chức quán triệt sâu sắc các nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về sự nghiệp phát triển giáo dục. Công tác phổ cập bậc trung học phải được tập trung chỉ đạo đảm bảo chất lượng và hiệu quả trên cơ sở nâng cao chất lượng dạy và học, duy trì chất lượng phổ cập giáo dục Trung học cơ sở, phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi một cách bền vững và đảm bảo chất lượng giáo dục đích thực.

- Căn cứ tình hình thực tiễn, các cấp ủy Đảng, chính quyền các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch, xác định các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể để thực hiện các tiêu chuẩn phổ cập bậc trung học trên địa bàn đảm bảo các yêu cầu: Tích cực, vững chắc, không chạy theo thành tích. Công tác phổ cập bậc trung học của các xã, thị trấn phải được đặt trong tổng thể kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phải được xác định là công tác trọng tâm hàng năm và lâu dài của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương.

### **1.2. Củng cố tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác phổ cập**

- Củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của các Ban chỉ đạo phổ cập bậc trung học từ huyện đến cơ sở để thực hiện tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp xây dựng các đề án, kế hoạch phổ cập bậc trung học của địa phương và chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác phổ cập ở các xã, thị trấn đủ về số lượng, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng nhằm giúp các đơn vị trên địa bàn triển khai và thực hiện các nhiệm vụ phổ cập bậc trung học có kết quả; thực hiện tốt chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên làm công tác phổ cập.

1.3. Nâng cao chất lượng tham mưu và chỉ đạo nghiệp vụ của ngành Giáo dục - Đào tạo trong công tác phổ cập bậc trung học

- Tăng cường và nâng cao chất lượng tham mưu, đề xuất của ngành Giáo dục đối với các cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện mục tiêu công tác phổ cập bậc trung học.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đảm bảo thực chất làm cơ sở và nền tảng để thực hiện công tác phổ cập bậc trung học một cách bền vững. Đẩy mạnh việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện nền nếp, kỷ cương việc dạy và học, kiểm tra, đánh giá, quản lý chất lượng giáo dục nghiêm túc; triển khai thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”.

### **1.4. Tổ chức dạy nghề và thu hút học sinh vào học Trung cấp chuyên nghiệp:**

Làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhằm phân luồng học sinh sau THCS để đảm bảo số học sinh sau tốt nghiệp THCS vào học tập tại các cơ sở đào tạo nghề và các trường trung cấp chuyên nghiệp đạt tỷ lệ theo quy định.

1.5. Duy trì chất lượng phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS bền vững, trên cơ sở đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện:

- Hàng năm huy động 99,9% học sinh 6 tuổi vào lớp 1, trong đó có 99% học sinh tiểu học hoàn thành chương trình, không có học sinh trong độ tuổi học tiểu học ở ngoài nhà trường, huy động 99% học sinh tốt nghiệp tiểu học vào học lớp 6 Trung học cơ sở.

- Nâng cao chất lượng giáo dục ở cấp THCS, đảm bảo hàng năm có 90% trở lên số học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS; đảm bảo tỷ lệ thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến hết 18 có bằng tốt nghiệp THCS, Bổ túc THCS đạt 90%.

1.6. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực, mọi tiềm năng để phát triển giáo dục:

- Tuyên truyền mạnh mẽ, sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển giáo dục, từ đó tạo sự đồng thuận và ủng hộ của các cấp, các ngành, đoàn thể và toàn xã hội đối với chủ trương thực hiện phổ cập bậc trung học huyện Hạ Hòa giai đoạn 2007 - 2010, định hướng đến năm 2015 và những năm tiếp theo.

- Đẩy mạnh các hoạt động xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện cho mọi thành viên trong xã hội đều có cơ hội học tập, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tri thức và khả năng thích ứng với các môi trường lao động của học sinh sau khi tốt nghiệp bậc Trung học.

- Thực hiện đa dạng hóa các loại hình giáo dục, phát triển mạnh các cơ sở ngoài công lập nhằm huy động mọi nguồn lực, thu hút 95% thanh niên trong độ tuổi từ 15 đến 21 tuổi tốt nghiệp THCS vào học Trung học phổ thông, Bổ túc THPT, Trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề để thực hiện mục tiêu phổ cập bậc trung học giai đoạn 2007 - 2010, định hướng đến năm 2015.

1.7. Đầu tư nguồn lực thực hiện đề án:

1.7.1. Các nguồn tài chính để thực hiện công tác phổ cập giáo dục bậc Trung học bao gồm:

+ Ngân sách Nhà nước.

+ Chương trình mục tiêu giáo dục - đào tạo và nâng cao năng lực nghề nghiệp.

+ Học phí, tiền đóng góp xây dựng trường của học sinh.

+ Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho các cơ sở giáo dục và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ yêu cầu thực hiện đề án, hàng năm UBND các cấp cần xây dựng kế hoạch ngân sách và huy động trong cộng đồng để đảm bảo kinh phí cho việc triển khai thực hiện đề án có hiệu quả.

1.7.2. Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn I của Đề án: 29.370.000.000đ.

1.7.3. Nội dung chi: Chi cho công tác điều tra, mở các lớp bổ túc văn hóa, hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ đào tạo hệ trung cấp chuyên nghiệp, hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia... theo yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.

## **2. Định hướng nhiệm vụ giai đoạn 2011 - 2015**

- Duy trì, củng cố chất lượng phổ cập tại tất cả các xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở và 60% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập bậc trung học; đến cuối năm 2015 có 90% số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập bậc trung học.

- Duy trì ổn định 95% thanh niên tốt nghiệp Trung học cơ sở vào học Trung học phổ thông, bổ túc Trung học phổ thông, Trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, trong đó có 15% đi học nghề và 15% đi học Trung cấp chuyên nghiệp.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao:

UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết này.

Thường trực HĐND, hai Ban của HĐND và các đại biểu HĐND huyện thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Hạ Hòa khóa XVII kỳ họp thứ chín (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2007.

**Chủ tịch**

**Nguyễn Cường Việt**

**Nghị quyết****Về xã hội hóa các hoạt động Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao giai đoạn  
2007 – 2010****Hội đồng nhân dân huyện Hạ Hòa khóa XVII kỳ họp thứ chín  
(kỳ họp chuyên đề)**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số: 410/TTr-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2007 của UBND huyện Hạ Hòa về việc đề nghị HĐND huyện phê duyệt đề án xã hội hóa các hoạt động Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao, giai đoạn 2007 - 2010; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và thảo luận,*

**Quyết nghị:**

**Điều 1.** Tán thành với nội dung Đề án số: 409/ĐA-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2007 của UBND huyện Hạ Hòa về xã hội hóa, các hoạt động Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao giai đoạn 2007 - 2010. Hội đồng nhân dân huyện nhấn mạnh một số nội dung sau:

I - Đánh giá chung công tác xã hội hóa các hoạt động VH TT - TDTT huyện Hạ Hòa giai đoạn  
2000 - 2006

**1. Ưu điểm:**

Trong những năm qua, công tác xã hội hóa các hoạt động Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao trên địa bàn huyện đã thu được những kết quả đáng khích lệ; góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế, văn hóa xã hội và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Thông qua công tác xã hội hóa các hoạt động VH TT - TT đã huy động được các lực lượng xã hội tham gia, tạo nguồn lực cho đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở. Chỉ tính riêng trong 3 năm (2004 - 2006) toàn huyện đã xây dựng được 146 nhà văn hóa khu dân cư, trong đó nguồn lực từ nhân dân đóng góp chiếm 55,8%. Việc xây dựng, bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa và di tích lịch sử cách mạng đã huy động được từ các nguồn lực chiếm 47%. 26 ngôi chùa và 8 nhà thờ, nhà nguyện đã được tu sửa xây dựng hoàn toàn bằng nguồn kinh phí tự nguyện của nhân dân và đóng góp của các Phật tử. Ngoài ra bằng nguồn đóng góp của nhân dân và huy động khác ở cơ sở đã xây dựng được 23 sân bóng đá, 101 sân bóng chuyền, 26 sân cầu lông, 54 bộ bàn bóng bàn trị giá hàng trăm triệu đồng. Các hoạt động văn nghệ thể thao phục vụ lễ hội Đền Mẫu Âu Cơ và các cuộc giao lưu thi đấu TDTT hàng năm từ số tiền do công tác xã hội hóa đóng góp, đã từng bước góp phần xây dựng phong trào văn hóa TDTT ở cơ sở, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

**2. Những hạn chế, tồn tại:**

Tuy nhiên, trong những năm qua, công tác tuyên truyền đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa công tác VH TT - TDTT chưa được coi trọng, chưa tạo được phong trào thường xuyên.

Nhận thức về xã hội hóa các hoạt động VH TT - TDTT của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở và cán bộ làm công tác này chưa đầy đủ, còn tư tưởng trông chờ, ỷ nại vào sự đầu tư của Nhà nước.

Sự phối hợp của chính quyền với các ban, ngành đoàn thể về công tác xã hội hóa VH TT - TDTT chưa chặt chẽ nên chưa huy động được sức mạnh của cộng đồng cho hoạt động VH TT - TDTT.

II - Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động VH TT - TDTT, giai đoạn 2007 - 2010

**A - Mục tiêu:**

**1. Mục tiêu chung:**

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng nhằm đẩy mạnh công tác xã hội hóa VH TT - TDTT tạo nguồn lực trên địa bàn để đầu tư xây dựng các thiết chế VH TT - TDTT ở cơ sở tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân tích cực chủ động tham gia các hoạt động và hưởng thụ thành quả của VH TT - TT, góp phần xây dựng và phát triển con người toàn diện, đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

**2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2010:**

a) Văn hóa thông tin

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực của nhân dân, các lực lượng trong xã hội để đầu tư xây dựng và đảm bảo hoạt động các thiết chế văn hóa - thể dục thể thao ở cơ sở như: Hiến đất, đóng góp tiền của, công sức. Phân đấu các nguồn lực xã hội hóa đạt tối thiểu: 80 - 85% giá trị xây dựng và trang thiết bị nhà văn hóa khu dân cư, 100% giá trị tu sửa, tôn tạo các di tích lịch sử, tôn giáo tại xã; 100% chi phí mua sắm trang thiết bị và tổ chức các hoạt động văn hóa, TDTT ở khu dân cư, đơn vị cơ sở, từng bước xã hội hóa quản lý và khai thác thư viện xã.

- Phân đấu 75% số hộ, 70% số khu dân cư, 20% số xã, thị trấn, 80% số cơ quan, đơn vị trở lên đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- 100% khu dân cư xây dựng xong nhà văn hóa, 75% các nhà văn hóa đã xây dựng trang bị các thiết chế cần thiết đảm bảo nhu cầu sinh hoạt cho nhân dân.

- củng cố hệ thống truyền thanh cơ sở ở 33 xã, thị trấn bảo đảm chất lượng thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền của huyện.

- 100% xã, thị trấn có thư viện hoạt động tốt.

- 100% xã, thị trấn có đội văn nghệ thường xuyên hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- 90% số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và đội văn nghệ hoạt động có hiệu quả.

b) Thể dục thể thao:

- Huy động các cơ sở và các lực lượng xã hội tham gia xã hội hóa các hoạt động TDTT từ 30 - 50% nhu cầu dịch vụ thể dục thể thao (bao gồm xây dựng sân bãi và các thiết chế thể dục thể thao, huấn luyện viên, đào tạo phát triển năng khiếu...) và các hoạt động TDTT ở cơ sở.

- Phân đấu tỷ lệ số người tập TDTT thường xuyên đạt từ 18 - 20% dân số; từ 15 - 15% hộ gia đình thường xuyên luyện tập TDTT.

- 80% đội ngũ cán bộ, hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT xã, thị trấn được bồi dưỡng, đào tạo về nghiệp vụ TDTT và công tác quản lý.

- 100% xã, thị trấn hoàn chỉnh quy hoạch đất cho hoạt động TDTT; 80% xã, thị trấn xây dựng được các địa điểm luyện tập tập trung và sân bãi TDTT đơn giản ở khu dân cư.

**B - Nội dung xã hội hóa**

**1. Huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các thiết chế văn hóa thông tin thể thao và các hoạt động văn hóa thông tin thể thao:**

a) Lĩnh vực VH TT

Huy động nguồn lực từ xã hội hóa cho các hoạt động VH TT tập trung vào một số nội dung chính sau:

- Xây dựng 150 nhà văn hóa khu dân cư của các xã còn lại và đầu tư mua sắm trang thiết bị cho nhà văn hóa khu dân cư đã xây dựng.
- Xây dựng 13 thư viện còn lại ở cơ sở.
- Xây dựng củng cố đài truyền thanh cơ sở.
- Xây dựng 3 cụm thông tin cô đọng của huyện và mua sắm thiết chế thông tin cô đọng ở xã, thị trấn.
- Đầu tư xây dựng và tổ chức hoạt động các đội văn nghệ quần chúng từ khu dân cư đến xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị.
- Bảo tồn các di tích lịch sử và các nơi thờ tự.
- Tổ chức và phục dựng các lễ hội truyền thống.

b) Đối với lĩnh vực thể dục thể thao

Huy động nguồn lực xã hội hóa cho các hoạt động TDTT tập trung vào nội dung sau:

- Xây dựng điểm vui chơi thể thao cho các khu dân cư.
- Xây dựng, sửa chữa, cải tạo sân thể thao tập trung của các xã, thị trấn.
- Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn và công tác quản lý cho cán bộ, huấn luyện viên làm công tác TDTT cơ sở.
- Mua sắm dụng cụ thể dục thể thao.
- Kinh phí tổ chức các giải thể thao cơ sở.

**2. Quản lý và tổ chức hoạt động VH TT - TDTT cơ sở**

- UBND huyện, UBND xã, thị trấn thực hiện quản lý các nội dung hoạt động VH TT - TDTT ở cơ sở theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Nhân dân tự quản lý các thiết chế VH TT - TT, tự điều hành các hoạt động VH TT - TDTT ở cơ sở nhằm đảm bảo giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống, đạo đức, lối sống, phong tục, tập quán, hương ước, quy ước của địa phương, loại trừ các hủ tục mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội chịu sự quản lý của Nhà nước.

**C - Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, đổi mới phương thức quản lý của Nhà nước, đẩy mạnh hoạt động của hệ thống chính trị tham gia công tác xã hội hóa VH TT - TDTT. Huy động và đẩy mạnh sự phối hợp giữa các lực lượng xã hội, các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế, xã hội chăm lo phát triển sự nghiệp VH TT - TDTT.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến các quan điểm, chủ trương và nhiệm vụ xã hội hóa VH TT - TDTT của Đảng và Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân, tạo sự chuyển biến trong các cấp ủy Đảng, chính quyền chủ động tích cực huy động các nguồn lực, đầu tư thực hiện xã hội hóa các hoạt động VH TT - TDTT. Tập trung vào việc xây dựng nhà văn hóa khu dân cư, trang bị các thiết chế phục vụ hoạt động của nhà văn hóa; thư viện cơ sở; sân bãi TDTT, xây dựng và củng cố các đội văn nghệ cơ sở. Quy hoạch và xây dựng kế hoạch sử dụng đất cho hoạt động TDTT, tổ chức quản lý, sử dụng có hiệu quả các thiết chế phục vụ cho TDTT tại các cơ sở.

3. Khuyến khích các đơn vị, các tổ chức xã hội tham gia các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; xây dựng hương ước, quy ước; đăng ký tổ chức lễ hội truyền thống, lễ hội mới



(trừ lễ hội có tính quốc gia); các hoạt động văn hóa chuyên ngành như: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, tạo các sản phẩm văn hóa truyền thống, tu bổ tôn tạo các di sản văn hóa, các di tích lịch sử; đóng góp tài trợ kinh phí, lập quỹ, đầu tư cho các hoạt động văn hóa, các công trình văn hóa nghệ thuật, khu vui chơi giải trí gắn với du lịch, phát triển các loại hình đào tạo văn hóa nghệ thuật; thành lập các đơn vị nghệ thuật tập thể, tư nhân, gia đình. Khuyến khích các đơn vị, các tổ chức, các doanh nghiệp thành lập “Quỹ xây dựng đời sống văn hóa cơ sở” để xây dựng các thiết chế VH TT trên nguyên tắc tự tổ chức, quản lý và chịu sự quản lý của Nhà nước.

4. Bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác VH TT có đủ trình độ và năng lực để tổ chức triển khai các hoạt động ở cơ sở; xây dựng mạng lưới thư viện từ huyện đến cơ sở theo pháp lệnh thư viện đã ban hành.

5. Tăng cường chỉ đạo, đẩy mạnh phong trào “Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, thực hiện cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa, xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa; xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị văn hóa gắn với bài trừ tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan và các hủ tục. Khai thác và phát triển các môn thể thao và tổ chức các giải thể thao dân tộc, trò chơi dân gian mang tính chất đơn giản dễ tập phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương như: Đẩy gậy, kéo co, vật dân tộc...

Phát động phong trào TDTT trong các trường học nhằm phát hiện đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ; củng cố duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục thể chất toàn diện trong nhà trường, khuyến khích các hoạt động TDTT ngoại khóa.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao:

- UBND huyện tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này.
- Thường trực HĐND, các ban và các đại biểu HĐND huyện giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND huyện Hạ Hòa khóa XVII, kỳ họp thứ chín (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2007.

**Chủ tịch**

**Nguyễn Cường Việt**

**Chỉ thị****Về việc tăng cường công tác chỉ đạo thi hành án dân sự**

Thực hiện Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ V/v tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác Thi hành án dân sự và Thông tư 05/2002/TT-BTP ngày 27 tháng 2 năm 2002 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc bàn giao công tác thi hành án cho UBND cấp xã tổ chức thi hành.

Từ tháng 7 năm 2002 cơ quan Thi hành án huyện Tam Nông đã chuyển giao việc thi hành án có số tiền và giá trị tài sản dưới 500.000đ cho UBND cấp xã, thị trấn đảm nhận và đôn đốc thi hành. Sau gần 5 năm thực hiện, một số xã, thị trấn đã tổ chức đôn đốc thi hành có hiệu quả, các quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước và công dân được đảm bảo, trật tự kỷ cương được giữ vững.

Tuy vậy công tác THADS ở cấp xã, thị trấn còn bộc lộ nhiều tồn tại, Chủ tịch UBND một số xã chưa thật sự quan tâm đến công tác THA, vì vậy tỷ lệ giải quyết THADS quý I/2007 đạt kết quả thấp so với yêu cầu.

Để tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ V/v tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác THADS. UBND huyện Tam Nông yêu cầu:

1. UBND các xã, thị trấn cần quán triệt đầy đủ trách nhiệm của mình đối với công tác THADS, coi đây là nhiệm vụ quan trọng của địa phương, cần bố trí phân công cán bộ có phẩm chất, có năng lực đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ đôn đốc thi hành án, thường xuyên có biện pháp chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể, tạo mọi điều kiện thuận lợi huy động lực lượng và phối hợp với các ngành, các đoàn thể nhân dân để thuyết phục, giáo dục người phải thi hành án tự nguyện thi hành. Kiên quyết và lập hồ sơ báo cáo cơ quan Thi hành án huyện có biện pháp cưỡng chế thi hành đối với những trường hợp dây dưa trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, đảm bảo trong năm 2007 và những năm tiếp theo tỷ lệ thi hành án giải quyết xong đạt 85% trở lên trong số án có điều kiện thi hành. UBND xã, thị trấn phải chịu trách nhiệm về kết quả thi hành án ở địa phương mình trước UBND huyện.

2. Cơ quan thi hành án huyện tăng cường đi cơ sở hướng dẫn các địa phương về việc mở sổ sách, nghiệp vụ thi hành án, phối hợp với các ngành Công an, Kiểm sát và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp cưỡng chế Thi hành án. Kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp cản trở, chống đối việc thi hành án, tăng cường việc kiểm tra và khắc phục, hạn chế những thiếu sót hoặc vi phạm trong hoạt động thi hành án ở cơ sở. Giải quyết tốt các khiếu nại tố cáo về thi hành án, không để tình trạng đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp gây phiền hà cho nhân dân. Cơ quan Thi hành án cần áp dụng các điều luật xử lý những vụ việc không có điều kiện thi hành làm giảm đến mức thấp nhất lượng án tồn đọng hiện nay. Hàng quý tổ chức họp giao ban đánh giá kết quả công tác THADS trên địa bàn.

3. UBND huyện giao Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng Thi hành án dân sự huyện xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên BCH thi hành án dân sự huyện và kiểm tra, đôn đốc thực hiện chỉ thị này và định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND huyện, UBND các xã, thị trấn và các ngành liên quan chủ động và phối hợp triển khai thực hiện. Những vướng mắc về hoạt động thi hành án ở cơ sở cần được báo cáo Chủ tịch UBND huyện (qua cơ quan Thi hành án huyện) để kịp thời chỉ đạo giải quyết.

**tm. ủy ban nhân dân**

**Chủ tịch**

**Triệu Quang Kết**